|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN LỄ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 246/QĐ-UB | *Sơn Lễ, ngày 02 tháng 12 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2022 theo tiêu chí giai đoạn 2022 - 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư 02/2022 TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập hộ làm nông nghiêp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;*

*Theo đề nghị của công chức Văn hóa – Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2022 theo tiêu chí cho giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã Sơn Lễ, với những nội dung sau:

- Tổng số hộ dân trên địa bàn: 1.162 hộ, với 3.527 nhân khẩu.

- Tổng số hộ nghèo: 61 hộ, với 161 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ: 5,25 %.

- Tổng số hộ cận nghèo: 71 hộ, với 277 khẩu, chiếm tỷ lệ 6,11%.

- Tổng số hộ thoát nghèo: 28 hộ, với 91 nhân khẩu

- Tổng số hộ thoát cận nghèo: 40 hộ, với 140 nhân khẩu

*(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, thống kê và các công chức cấp xã liên quan, Trưởng các thôn và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Thường trực Đảng ủy xã; - Thường trực HĐND xã; - Ủy ban MTTQ Việt Nam xã; - UBND huyện; - Phòng LĐTBXH huyện; - Lưu VP. | **CHỦ TỊCH** |

**Nguyễn Văn Duẫn**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ SƠN LỄ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CUỐI NĂM 2022 THEO TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2022 – 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 246/UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của UBND xã)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa bàn thôn** | **Tổng số hộ dân cư** *(tại thời điểm rà soát)* | | **Kết quả rà soát chính thức** | | | | | |
| **Hộ nghèo** | | | **Hộ cận nghèo** | | |
| **Số hộ** | **Nhân khẩu** | **Số hộ** | **Số nhân khẩu** | **Tỷ lệ % hộ nghèo** | **Số hộ** | **Số nhân khẩu** | **Tỷ lệ % hộ cận nghèo** |
| ***A*** | ***B*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=3/1*** | ***6*** | ***7*** | ***8 =6/1*** |
| 1 | Thôn Sơn Thuỷ | 124 | 365 | 6 | 10 | 4,84 | 4 | 10 | 3,23 |
| 2 | Thôn Tây Nam | 215 | 690 | 13 | 56 | 6,05 | 17 | 67 | 7,91 |
| 3 | Thôn Khe Cò | 192 | 590 | 10 | 33 | 5,21 | 15 | 67 | 7,81 |
| 4 | Thôn Đức Vừ | 189 | 568 | 9 | 15 | 4,76 | 6 | 21 | 3,17 |
| 5 | Thôn Cao Thắng | 165 | 515 | 10 | 19 | 6,06 | 10 | 39 | 6,06 |
| 6 | Thôn Thọ Lộc | 142 | 380 | 8 | 14 | 5,63 | 11 | 41 | 7,75 |
| 7 | Thôn Trung Lễ | 135 | 419 | 5 | 14 | 3,70 | 8 | 32 | 5,93 |
|  | **Tổng cộng** | **1.162** | **3.527** | **61** | **161** | **5,25** | **71** | **277** | **6,11** |